CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Ngày 30/06/2025	9,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.0%	**-5.0%**	**-4.0%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,300 - 11,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	177
Số lượng CPLH (CP)	18,661,243
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,705
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	0.69
EPS	361
P/E	26.3

DT thuần
Q2/25
44.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.40| 22.9%
YoY: ▲ 16.7| 59.1%

LN thuần
Q2/25
5.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.22| 28.2%
YoY: ▼0.27| -4.7%

LN sau thuế
Q2/25
2.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.33| -39.6%
YoY: ▼2.30| -53.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
7.5%
YoY: +/-▼ 4.0%

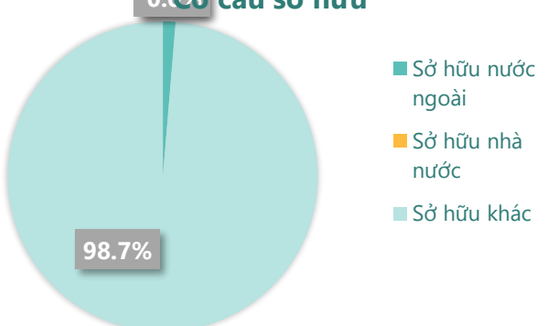
ROE (TTM)
Q2/25
2.0%
YoY: +/-▼ 0.7%

DT thuần
6T 2025
81.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.3| 50.7%

LN thuần
6T 2025
9.83
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.18| 111%

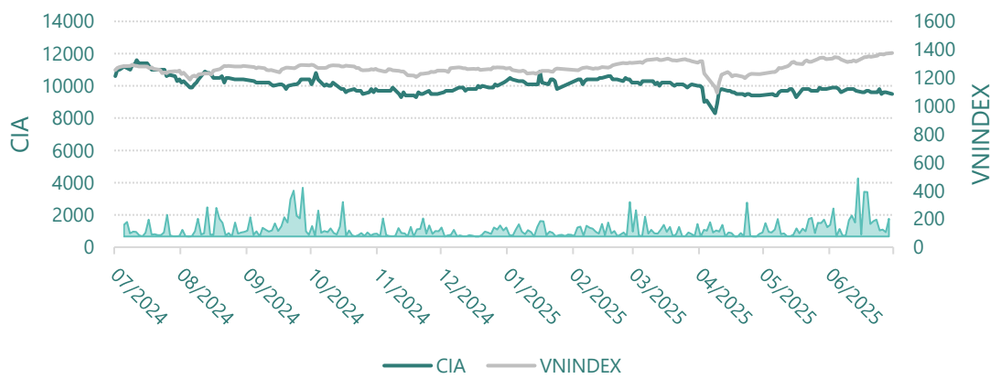
LN sau thuế
6T 2025
5.41
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.22| 69.6%

Cơ cấu sở hữu

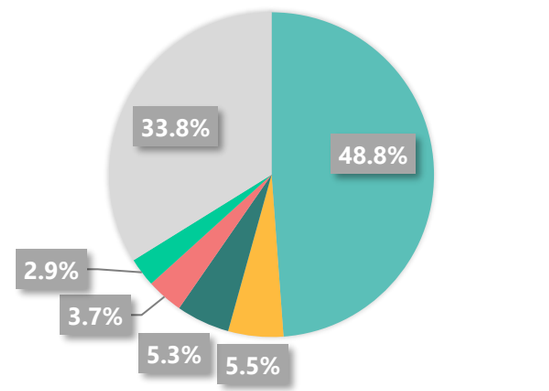


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



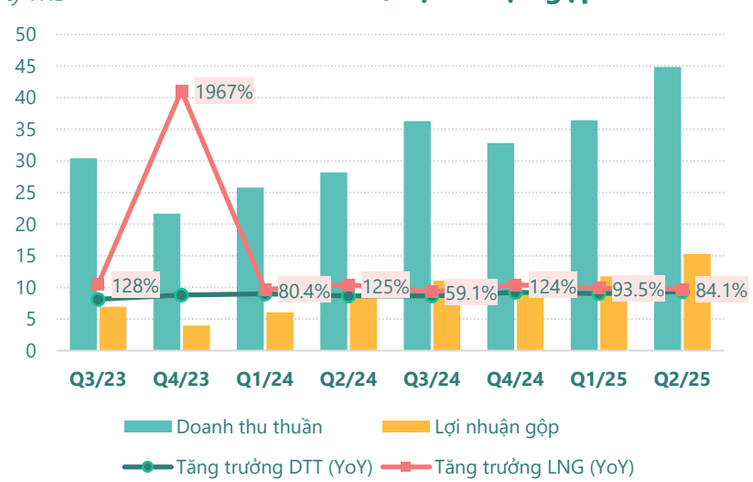
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

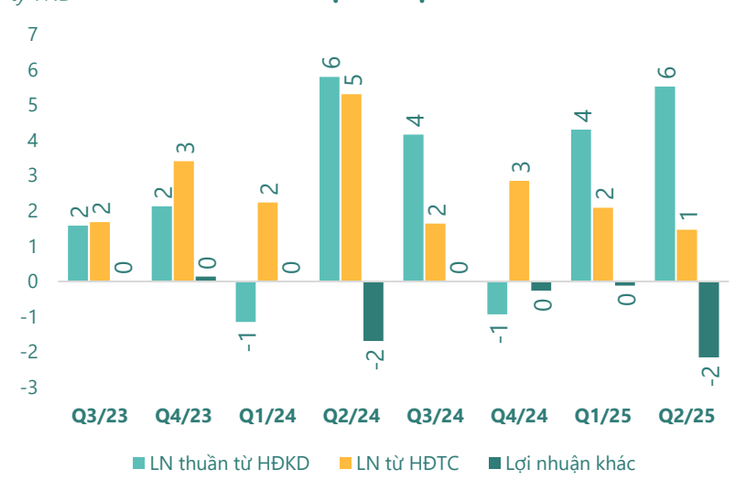
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



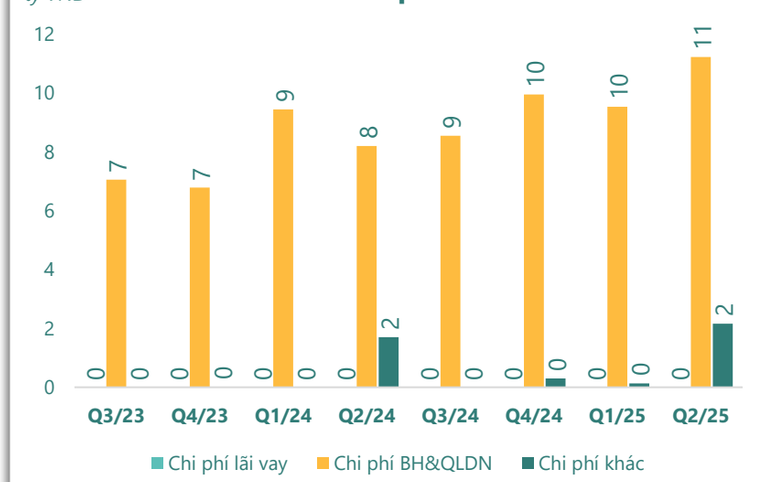
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



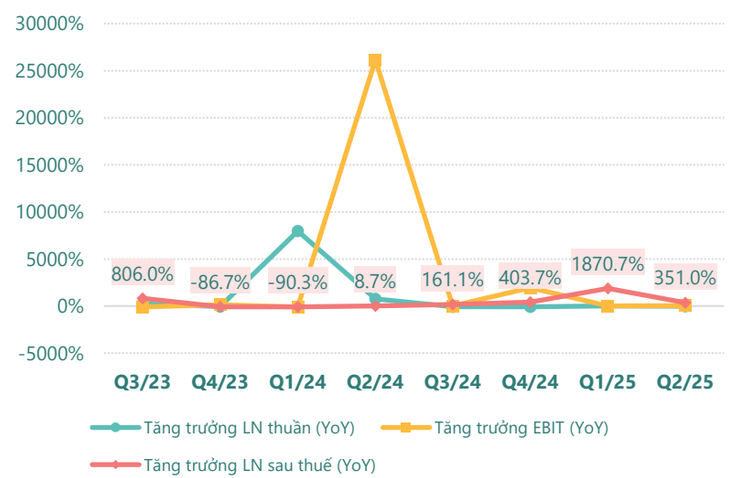
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



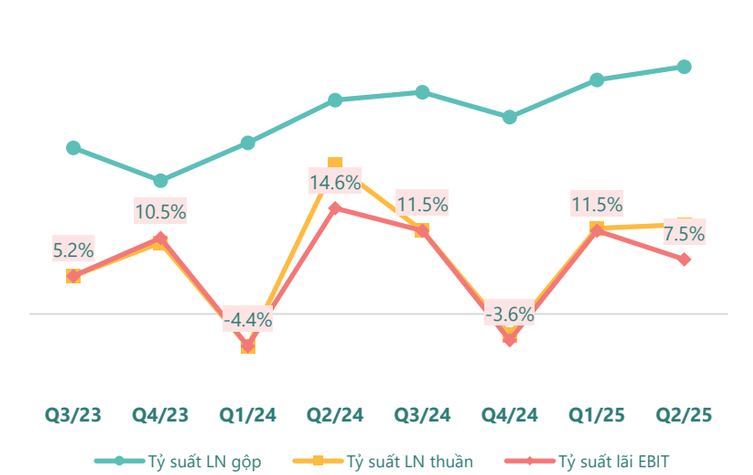
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



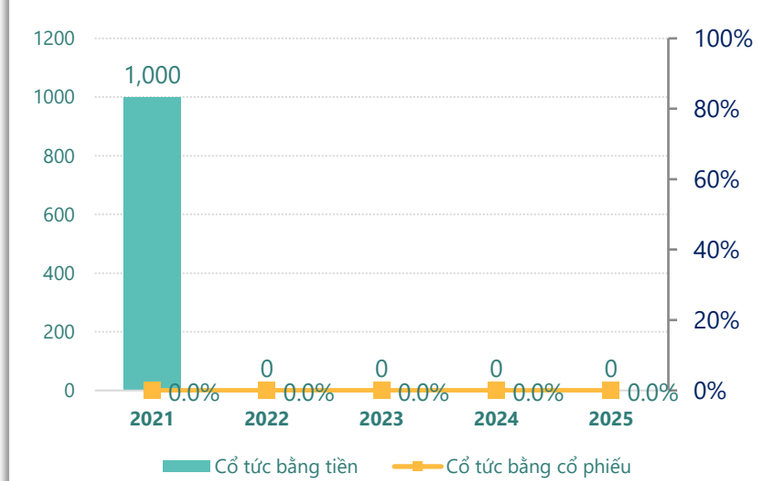
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

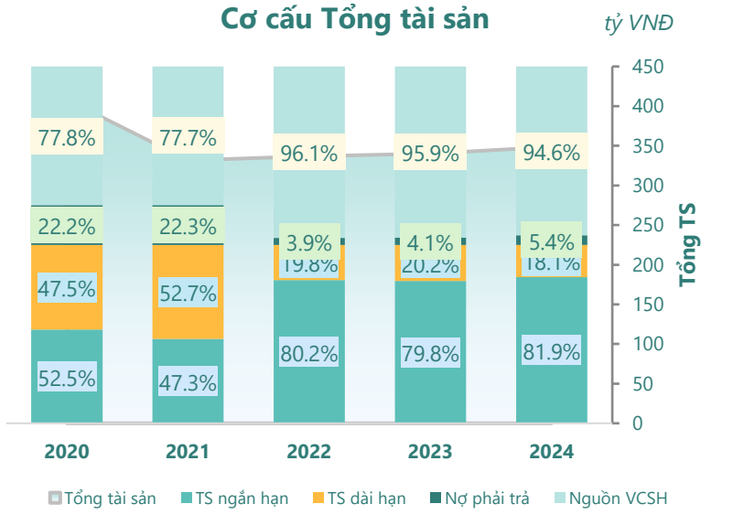
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

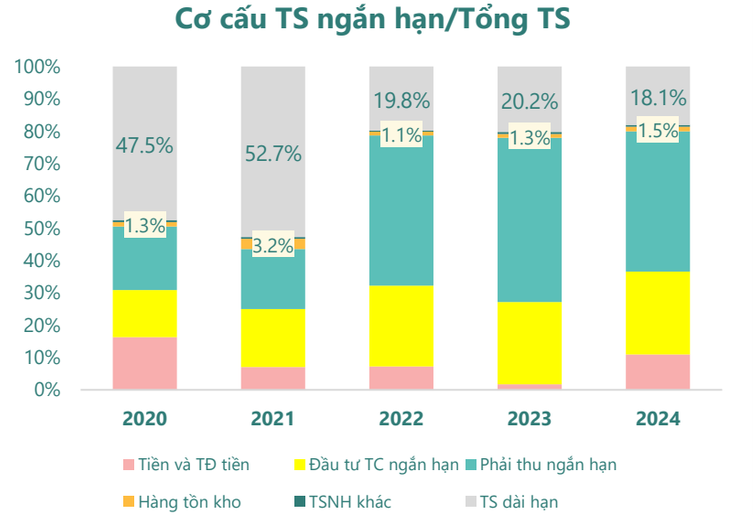
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



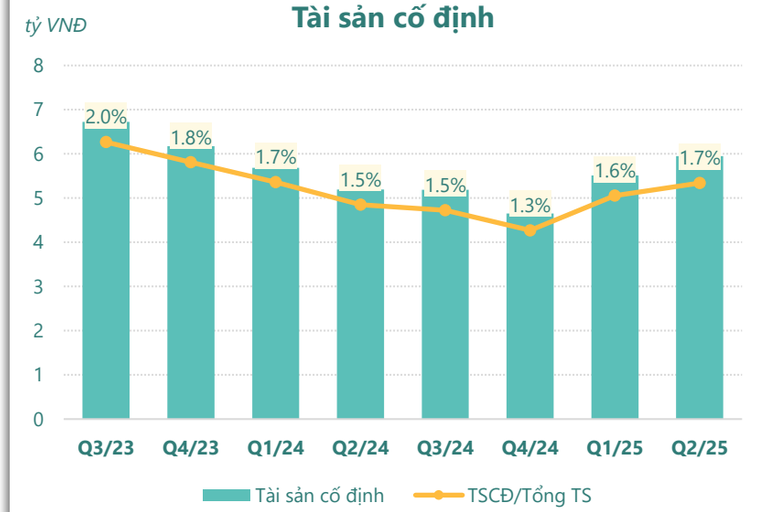
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



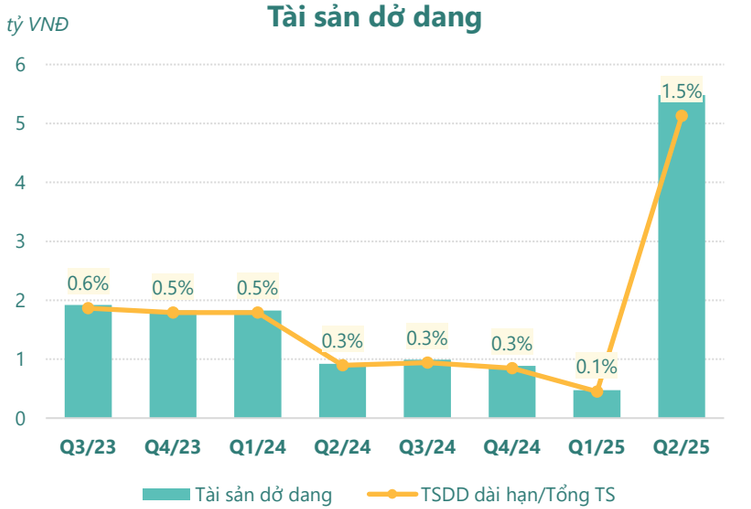
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



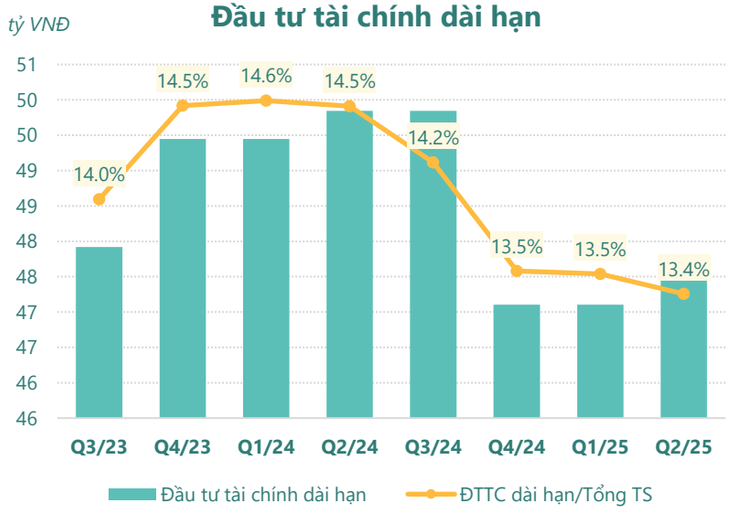
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



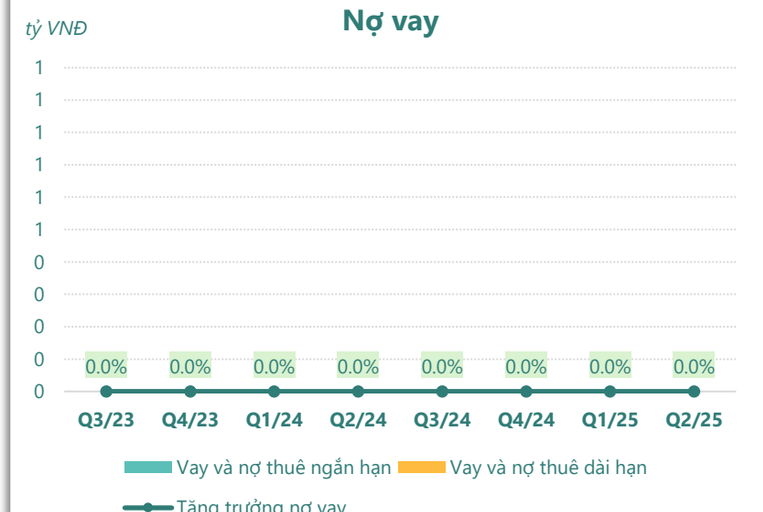
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

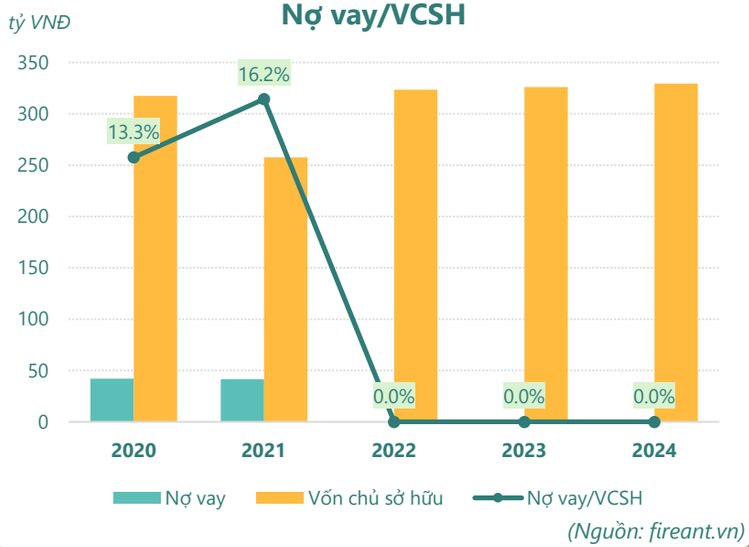
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

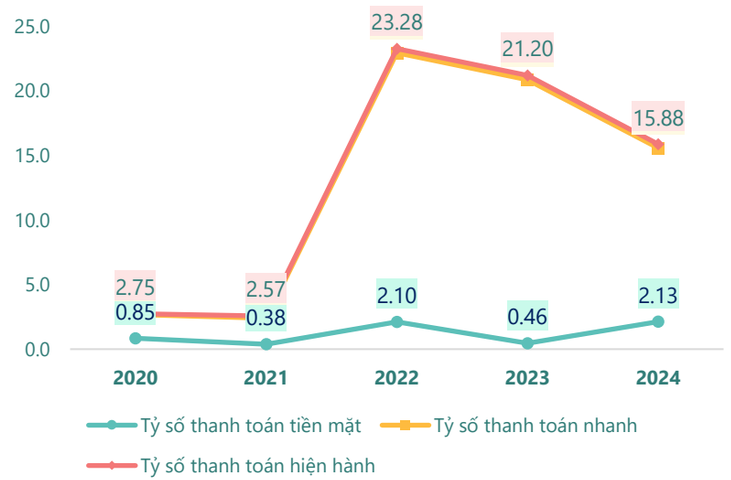
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



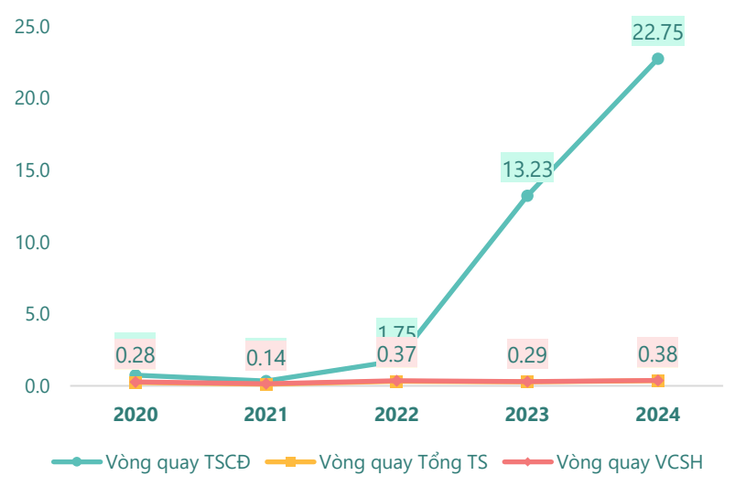
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



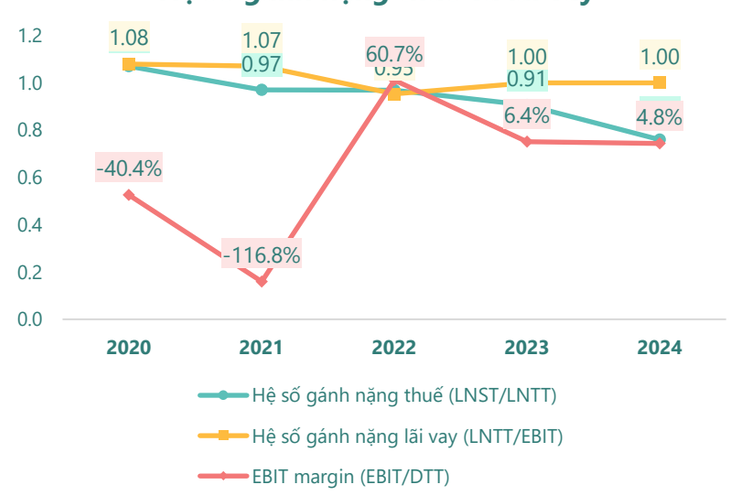
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



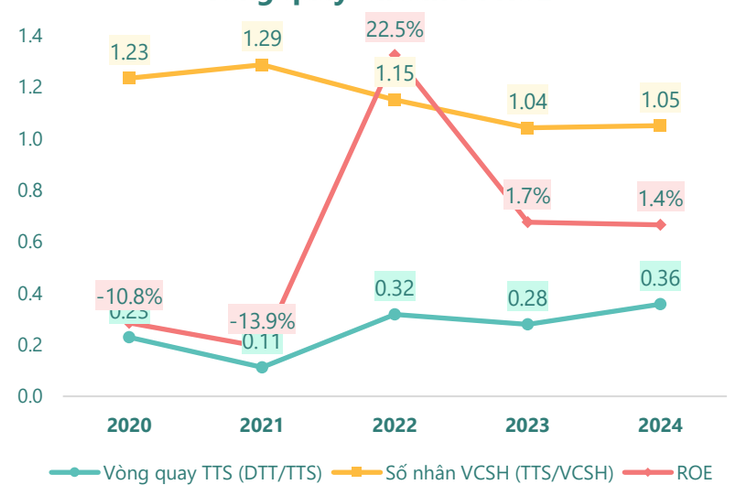
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



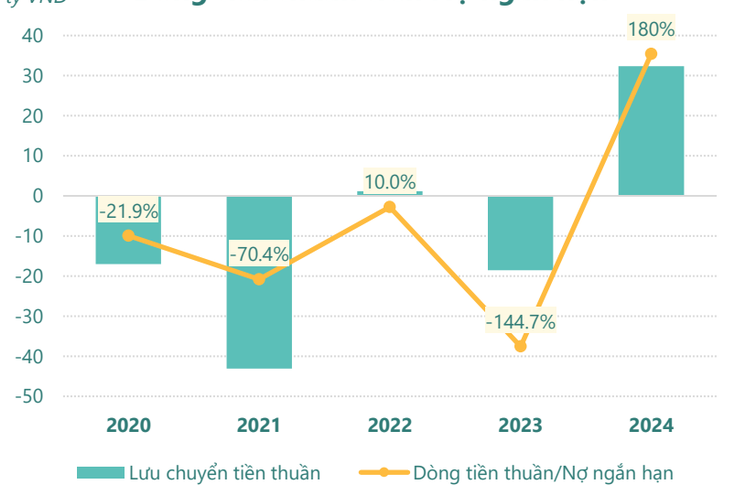
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**44.9**	**28.2**	**59.1%**	**81.3**	**54.0**	**50.7%**
Giá vốn hàng bán	29.6	19.9	48.6%	54.3	39.6	37.1%
Lợi nhuận gộp	15.3	8.31	84.0%	27.0	14.4	88.1%
Doanh thu HĐTC	5.02	3.44	45.9%	7.01	5.25	33.3%
Chi phí TC	3.55	-1.86	291%	3.45	-2.29	251%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.40**	**-100%**	**0**	**0.40**	**-100%**
Chi phí bán hàng	4.84	4.05	19.4%	9.01	8.58	4.9%
Chi phí QLDN	**6.40**	**4.16**	**53.7%**	**11.8**	**9.08**	**29.6%**
LN thuần từ HĐKD	5.53	5.80	-4.7%	9.83	4.65	111%
Lợi nhuận khác	**-2.15**	**-1.69**	**-27.3%**	**-2.27**	**-1.68**	**-35.7%**
LN trước thuế	3.37	4.11	-17.9%	7.56	2.98	154%
Lợi nhuận sau thuế	**2.04**	**4.34**	**-53.1%**	**5.41**	**3.19**	**69.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.04**	**4.34**	**-53.1%**	**5.41**	**3.19**	**69.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.60	0.93	11.4	-14.0	17.1	-11.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	45.7	-19.9	49.9	-35.1	0.75	-10.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0.00	-0.01	0
Tiền đầu kỳ	5.90	45.0	26.0	87.3	38.3	56.1
Lưu chuyển tiền thuần	**39.1**	**-19.0**	**61.3**	**-49.1**	**17.8**	**-22.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.01	-0.06	0.10	0.01	0.06
Tiền cuối kỳ	45.0	26.0	87.3	38.3	56.1	33.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**356**	**349**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	291	286	1.8%
Tiền và tương đương tiền	33.9	38.3	-11.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	82.1	89.3	-8.1%
Phải thu ngắn hạn	168	151	11.2%
Hàng tồn kho	5.21	5.24	-0.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.73	1.79	-3.4%
Tài sản dài hạn	**65.7**	**63.0**	**4.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.95	4.65	27.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.48	0.89	519%
Đầu tư tài chính dài hạn	47.7	47.1	1.2%
Tài sản dài hạn khác	**6.63**	**10.4**	**-36.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	21.9	19.0	15.1%
Nợ ngắn hạn	**20.1**	**18.0**	**11.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.85	8.76	-10.4%
Nợ dài hạn	1.79	1.01	76.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**335**	**330**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**335**	**330**	**1.5%**
Vốn điều lệ	187	197	-5.3%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)